

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **140/2020/DS-PT**

Ngày 25 - 8 - 2020

V/v Tranh chấp tiền huê.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Dân.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Đức.

Bà Nguyễn Thị Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Loan, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 134/2020/TLPT-DS ngày 08/7/2020 về việc “*Tranh chấp tiền huê*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 28/2020/DS-ST ngày 22/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 150/2020/QĐ-PT ngày 16/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 142/2020/QĐ-PT ngày 05/8/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn A, xã P, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

2. Bà Trần Thị M, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn A, xã P, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H1; địa chỉ: Thôn A, xã P, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thái S; địa chỉ: Thôn E, xã P, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Văn bản ủy quyền ngày 08/11/2019); Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trương Hữu H2; địa chỉ: Đường D, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Nguyễn Thị T; địa chỉ: Đường D, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Văn bản ủy quyền ngày 04/8/2020); Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Văn S1; địa chỉ: Số 31, thôn 3, xã P, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/10/2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà Nguyễn Thị H với bà Nguyễn Thị H1 chơi với nhau 03 dây huê như sau:

- Dây thứ nhất bắt đầu vào ngày 20/01/2019 âm lịch (Là ngày 24/02/2019 dương lịch) chủ huê là bà Nguyễn Thị H1, dây huê có 12 chân, trong đó bà Nguyễn Thị H chơi 10 chân huê. Trong 10 chân huê này, bà Trần Thị M có nhờ bà Nguyễn Thị H thay mặt bà M chơi dùm 05 chân, bà H chơi 05 chân huê, tổng cộng là chơi 10 chân huê. Tổng cộng bà M đã đưa cho bà H 25.000.000 đồng. Việc bà M nhờ bà H chơi 05 chân huê nói trên chỉ có bà H và bà M biết với nhau, bà H không nói việc này cho chủ huê là bà H1 biết, mà khi viết giấy chơi huê bà H chỉ nói bà H1 ghi là “H + bạn”. Do đó, bà H1 chỉ biết bà H là người chơi huê với bà H1, không biết việc bà M có góp tiền chơi với bà H 01 dây huê.

Thời gian chơi là 12 tháng, từ ngày 20/01/2019 âm lịch (Là ngày 24/02/2019 dương lịch) đến ngày 20/01/2020 âm lịch. Tháng đầu tiên (gọi là áp thảo) mỗi chân huê đóng 1.000.000 đồng/1 chân. Từ tháng thứ hai cho đến hết tháng thứ 12, khi có người hốt huê (người chơi huê) thì người hốt phải đóng tiền huê là 1.000.000đồng/tháng/1 chân cho đến hết tháng thứ 12 (hết dây huê), đối với các người chơi huê (các chân huê) chưa hốt thì mỗi chân huê đóng 800.000 đồng/1 tháng/1 chân đến khi chân huê đó hốt huê, nếu chân huê nào đến hết tháng thứ 12 mới hốt huê thì chỉ phải đóng 800.000đồng/1 tháng/1 chân.

Bà H đóng tiền huê cho bà H1 được tháng đầu tiên (gọi là áp thảo) là tháng 01/2019, mỗi chân huê đóng 1.000.000 đồng/1 chân, chơi 10 chân = 10.000.000 đồng, tiếp theo đóng từ tháng 02/2019 đến tháng 06/2019 là đóng được 05 tháng của 10 chân huê x 800.000 đồng/1 chân/1 tháng = 40.000.000 đồng. Tổng cộng đã đóng được số tiền là 50.000.000 đồng.

- Dây thứ hai bắt đầu vào ngày 10/8/2018 âm lịch (Là ngày 19/9/2018 dương lịch) chủ huê là bà Nguyễn Thị H1, dây huê có 12 chân, trong đó bà Nguyễn Thị H chơi 05 chân huê. Thời gian chơi 12 tháng, từ ngày 10/8/2018 âm lịch đến ngày 10/8/2019 âm lịch. Tháng đầu tiên (gọi là áp thảo) mỗi chân huê

đóng 1.000.000 đồng/1 chân. Từ tháng thứ hai cho đến hết tháng thứ 12, khi có người hót huê thì người hót phải đóng tiền huê là 1.000.000đồng/tháng/1 chân cho đến hết tháng thứ 12 (hết dây huê), đối với các người chơi huê chưa hót thì mỗi chân huê đóng 800.000đồng/1 tháng/1 chân đến khi chân huê đó hót huê, nếu chân huê nào đến hết tháng thứ 12 mới hót huê thì chỉ phải đóng 800.000đồng/1 tháng/1 chân.

Bà H đóng tiền huê cho bà H1 được tháng đầu tiên (áp thảo) vào ngày 10/8/2018 âm lịch, mỗi chân huê đóng 1.000.000đồng/1 chân, chơi 05 chân = 5.000.000 đồng, tiếp theo đóng từ tháng 9/2018 đến tháng 7/2019 là 11 tháng đóng 05 chân huê x 800.000 đồng/1 chân/1 tháng = 44.000.000 đồng. Tổng cộng đã đóng được số tiền là 49.000.000 đồng.

- Dây thứ ba bắt đầu vào ngày 20/8/2018 âm lịch (Là ngày 29/9/2018 dương lịch) chủ huê là bà Nguyễn Thị H1, dây huê có 12 chân, trong đó bà Nguyễn Thị H chơi 05 chân huê. Thời gian chơi là 12 tháng, từ ngày 20/8/2018 âm lịch đến 20/8/2019 âm lịch. Tháng đầu tiên (áp thảo) mỗi chân huê đóng 1.000.000đồng/1 chân. Từ tháng thứ hai cho đến hết tháng thứ 12 khi có người hót huê thì người hót phải đóng tiền huê là 1.000.000đ/tháng/1 chân cho đến hết tháng thứ 12 (hết dây huê), đối với các người chơi huê chưa hót thì mỗi chân huê đóng 800.000đồng/1 tháng/1 chân đến khi chân huê đó hót huê, nếu chân huê nào đến hết tháng thứ 12 mới hót huê thì chỉ phải đóng 800.000đồng/1 tháng/1 chân.

Bà Nguyễn Thị H đóng tiền huê cho bà Nguyễn Thị H1 được tháng đầu tiên (gọi là áp thảo) là tháng 10/8/2018 (âm lịch), mỗi chân huê đóng 1.000.000 đồng/1 chân, chơi 05 chân = 5.000.000 đồng, tiếp theo đóng từ tháng 9/2018 đến tháng 7/2019 là 11 tháng đóng 05 chân huê x 800.000 đồng/1 chân/1 tháng = 44.000.000 đồng. Tổng cộng đã đóng được số tiền là 49.000.000 đồng.

Tổng cộng ba dây huê bà H đã đóng cho bà H1 là 148.000.000 đồng. Nay bà H khởi kiện yêu cầu bà H1 trả cho bà H số tiền huê đã nhận là 148.000.000 đồng.

Việc bà Trần Thị M đưa tiền cho bà H chơi huê giùm thì bà H sẽ có trách nhiệm trả cho bà M số tiền đã đưa cho bà H; bà H và bà M tự giải quyết với nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra không có ý kiến yêu cầu gì khác.

Theo đơn khởi kiện ngày 14/10/2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị M trình bày:

Trong 03 dây huê bà Nguyễn Thị H chơi với bà Nguyễn Thị H1, thì bà M có nhờ bà H chơi giùm 01 dây huê (từ ngày 20/01/2019 âm lịch đến ngày 20/01/2020 âm lịch), nội dung như bà H đã trình bày ở trên.

Việc bà M nhờ bà H chơi 05 chân huê chỉ có bà M và bà H biết với nhau, không nói cho chủ huê là bà H1 biết việc này. Bà H với bà H1 chơi huê trong suốt quá trình với nhau như thế nào thì bà M không biết, không tham gia. Bà M xác định bà M không trực tiếp tham gia chơi huê với bà H1 mà chơi thông qua bà H; bà H1 cũng không biết bà M có đóng tiền chơi nên giữa bà M với bà H sẽ tự giải quyết với nhau về số tiền 25.000.000 đồng bà M đã đưa cho bà H, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà M không yêu cầu bà H1 phải trả cho bà M số tiền 25.000.000 đồng. Bà M yêu cầu bà H1 có trách nhiệm trả cho bà H số tiền 148.000.000 đồng đã nhận. Ngoài ra, giữa bà M và bà H1 có chơi với nhau 01 dây huê khác và bà M đã làm đơn khởi kiện vụ án khác đang được Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột giải quyết thụ lý số 586/2019/TLST-DS ngày 04/10/2019.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H1 và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà Nguyễn Thị Thái S trình bày:

Bà H1 xác định trong quá trình chơi huê cùng bà H, bà H1 và bà H chỉ chơi với nhau 03 dây huê, bà H1 chỉ nhận tiền chơi huê từ bà H tổng cộng là 58.000.000 đồng. Còn bà M không chơi cùng với bà H như đồng nguyên đơn trình bày, mà bà M chơi một mình 01 dây (chơi 05 chân) và đã làm đơn khởi kiện vụ án khác đang được Tòa án giải quyết thụ lý số 586/2019/TLST-DS ngày 04/10/2019. Chỉ có một mình bà H chơi và đưa tiền cho bà H1, còn việc bà M có góp tiền chơi cùng ai hay không trong 03 dây huê mà bà H chơi với bà H1 thì bà H1 không biết vì khi viết giấy nhận tiền huê chỉ ghi tên người chơi là bà H + bạn.

Bà H chơi với bà H1 03 dây huê như sau:

- Dây thứ nhất bắt đầu vào ngày 20/01/2019 âm lịch (Là ngày 24/02/2019 dương lịch) người chơi gồm có 03 người (gồm bà Nguyễn Thị H1 là chủ huê, người chơi huê gồm bà H chơi 10 chân, bà H3 chơi 02 chân). Thời gian chơi là 12 tháng, từ ngày 20/01/2019 âm lịch (Là ngày 24/02/2019 dương lịch) đến ngày 24/02/2020 dương lịch. Tháng đầu tiên (gọi là áp thảo) mỗi chân huê đóng 1.000.000 đồng/1 chân. Từ tháng thứ hai cho đến hết tháng thứ 12, khi có người hốt huê (người chơi huê) thì người hốt phải đóng tiền huê là 1.000.000đ/tháng/1 chân cho đến hết tháng thứ 12 (hết dây huê), đối với những người chơi huê (các chân huê) chưa hốt thì mỗi chân huê đóng 800.000 đồng/1 tháng/1 chân đến khi chân huê đó hốt huê (nếu chân huê nào đến hết tháng thứ 12 mới hốt huê thì chỉ phải đóng 800.000 đồng/1 tháng/1 chân).

Dây huê này bà H mới đóng tiền huê cho bà H1 được tháng đầu tiên (gọi là áp thảo) là tháng 01/2019, bà H chơi 10 chân huê, mỗi chân huê đóng 1.000.000

đồng/1 chân x 10 chân = 10.000.000 đồng; tháng 02/2019 đóng 800.000 đồng/1 chân x 10 chân huê = 8.000.000 đồng; tháng 3/2019 đóng 800.000 đồng/1 chân x 10 chân huê = 8.000.000 đồng. Tổng cộng bà H đã đóng cho bà H1 được 26.000.000 đồng.

- Dây thứ hai bắt đầu vào ngày 10/8/2018 âm lịch, thì có 12 chân người chơi gồm có bà H1 là chủ huê, người chơi huê gồm bà H3 + D1 chơi 07 chân, ông H4 chơi 05 chân. Thời gian chơi là 12 tháng, từ ngày 10/8/2018 dương lịch đến ngày 10/8/2019 dương lịch. Cách chơi cũng giống tương tự như dây huê thứ nhất nêu trên. Dây thứ hai bắt đầu từ ngày 10/8/2018 dương lịch đến tháng 3/2019 thì ông H4 nghỉ nên bà H vào chơi thay tiếp (chơi 05 chân huê của ông H4) thì bà H đóng 10.000.000 đồng cho bà H1 để bà H1 trả cho ông H1 gọi là tiền sang chân huê. Bà H đóng tiếp vào tháng 4/2019, đóng 05 chân huê x 800.000 đồng/1 chân = 4.000.000 đồng; tháng 5/2019 đóng 05 chân huê x 800.000 đồng/1 chân = 4.000.000 đồng. Tổng cộng bà H đã đóng cho bà H1 được 18.000.000 đồng.

- Dây thứ ba bắt đầu vào ngày 20/8/2018 (âm lịch) thì có 12 chân, người chơi gồm bà H1 là chủ huê, người chơi huê gồm ông B1 chơi 07 chân, bà L1 chơi 05 chân. Thời gian chơi 12 tháng, từ ngày 20/8/2018 (âm lịch) đến ngày 20/9/2019. Cách chơi cũng tương tự như của dây huê thứ nhất nêu trên. Dây thứ ba bắt đầu vào từ ngày 20/8/2018 (dương lịch) đến tháng 3/2019 bà L1 nghỉ nên bà H vào chơi thay (chơi 05 chân huê của bà L1) thì bà H đóng 10.000.000 đồng cho bà H1 để bà H1 trả cho bà L1 gọi là tiền sang chân huê. Bà H đóng tiếp vào tháng 4/2019 đóng 05 chân huê x 800.000 đồng/1 chân = 4.000.000 đồng. Tổng cộng bà H đã đóng cho bà H1 được 14.000.000 đồng.

Như vậy bà H chơi 03 dây huê đã đóng cho bà H1 được tổng cộng là 58.000.000 đồng. Ngoài ra bà H không đóng cho bà H1 khoản tiền nào khác, khi bà H đóng xong tiền thì bà H1 có viết cho bà H 01 giấy biên nhận đóng tiền huê đối với số tiền đã đóng của từng dây huê, bằng mực giấy than có chữ ký của bà H1. Do đó, bà H1 không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H và bà M đòi bà H1 trả 148.000.000 đồng, bà H1 chỉ đồng ý trả lại cho bà H số tiền 58.000.000 đồng đã đóng cho bà H1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Hữu H2 trình bày:

Ngày 22/10/2019, ông Trương Hữu H2 có nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn S1 và bà Nguyễn Thị H1 thửa đất số 34, tờ bản đồ số 113, diện tích 569,8m², đất tọa lạc tại xã P, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 310414 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 29/7/2016, với giá chuyển nhượng là 1.800.000.000 đồng (Một tỷ tám trăm

triệu đồng), nhưng khi làm hợp đồng chuyển nhượng chỉ ghi là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Ông H2 đã trả cho ông Sơn và bà H1 được 1.250.000.000 đồng, số tiền còn lại 550.000.000 đồng sẽ trả sau khi làm xong thủ tục sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Trương Hữu H2. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được công chứng tại Văn phòng công chứng A1 ngày 22/10/2019. Sau đó, khi ông Trương Hữu H2 đi làm thủ tục sang tên thì bị Tòa án ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” số 17/2019/QĐ-BPKCTT ngày 24/10/2019 đối với tài sản ông Trương Hữu H2 nhận chuyển nhượng vì đang có tranh chấp tiền huê giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, bà Trần Thị M với bị đơn bà Nguyễn Thị H1.

Việc khởi kiện của bà H, bà M với bà H1 trong vụ án này ông H2 không có ý kiến gì, ông H2 đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Đối với việc ông H2 nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông S1, bà H1 thì ông H2 với ông S1, bà H1 tự giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Ông H2 đề nghị Tòa án hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” số 17/2019/QĐ-BPKCTT ngày 24/10/2019.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn S1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông S1 cố tình lẩn tránh nên không lấy lời khai được.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 28/2020/DS-ST ngày 22/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 138, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 244, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 274, Điều 280, Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 6, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

Buộc bà Nguyễn Thị H1 có trách nhiệm phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền là 58.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền

còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

- Bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị H1 phải trả số tiền 90.000.000 đồng (Yêu cầu 148.000.000 đồng, phần được chấp nhận là 58.000.000 đồng, phần không được chấp nhận là 90.000.000 đồng).

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị M. Nếu có tranh chấp thì bà Trần Thị M có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

- Hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” số 17/2019/QĐ-BPKCTT ngày 24/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Bà Nguyễn Thị H và bà Trần Thị M được nhận lại tài sản bảo đảm là số tiền 30.000.000 đồng đã gửi vào tài khoản phong tỏa số 63410000119845, chủ tài khoản bà Nguyễn Thị H tại Ngân hàng R, địa chỉ: Đường Q, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 01/2019/QĐ-BPBD ngày 24/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (Trong 30.000.000 đồng gửi vào tài khoản trên, gồm 15.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị H và 15.000.000 đồng của bà Trần Thị M).

- Về án phí:

Hoàn trả cho bà Trần Thị M 625.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, được khấu trừ vào 3.700.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: AA/2019/0005115 ngày 23/10/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Tiền tạm ứng án phí do bà Nguyễn Thị H đi nộp, trong đó gồm 3.075.000 đồng là tiền của bà Nguyễn Thị H và 625.000 đồng là tiền của bà Trần Thị M).

Buộc bà Nguyễn Thị H phải chịu 4.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào 3.075.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp (Trong số tiền 3.700.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số: AA/2019/0005115 ngày 23/10/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Bà Nguyễn Thị H còn phải nộp tiếp 1.425.000 đồng.

Buộc bà Nguyễn Thị H1 phải chịu 2.900.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 02/6/2020, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và nội dung đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của bà H làm trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung: Qua phân tích đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự – Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị H, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Ngày 22/5/2020, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm. Ngày 02/6/2020, bà Nguyễn Thị H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Xét kháng cáo của bà H làm trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt; căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm, đã có căn cứ để khẳng định: Trong khoảng thời gian từ cuối năm 2018 đến năm 2019, 03 dây huê gồm: Dây huê bắt đầu từ ngày 18/8/2018 âm lịch; dây huê bắt đầu từ ngày 28/8/2018 âm lịch và dây huê bắt đầu từ ngày 20/01/2019 âm lịch do bà Nguyễn Thị H1 làm chủ được hiểu là “chủ hộ” theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về hộ, hội, biểu, phường. Để hưởng hoa hồng, các dây huê đều thỏa thuận mỗi chân huê đóng 1.000.000 đồng/1chân huê vào tháng đầu tiên (tháng áp thảo), các tháng tiếp theo đóng 800.000 đồng/1chân huê đến khi kết thúc. Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H cho rằng trong 03 dây huê, bà H đã đóng cho bị đơn bà Nguyễn Thị H1 tổng cộng 148.000.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn chỉ cung cấp được 03 giấy biên nhận (bản gốc, bút lục số 129,130,131) thể hiện bà H đã đóng tiền huê cho bà H1 tổng số tiền 20.000.000

đồng và không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện đối với số tiền còn lại là 128.000.000 đồng. Dù không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn bà Nguyễn Thị H1 đã thừa nhận và chấp nhận trả cho bà H số tiền của 03 dây huê là 58.000.000 đồng, việc thừa nhận của bị đơn được xem là chứng cứ không cần chứng minh và có lợi cho nguyên đơn. Vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, buộc bà H1 phải thanh toán cho bà H số tiền 58.000.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật, nên kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H là không có căn cứ chấp nhận.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị H.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 28/2020/DS-ST ngày 22/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[2] **Tuyên xử:**

[2.1] Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

Buộc bà Nguyễn Thị H1 phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 58.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị H1 phải trả số tiền 90.000.000 đồng.

[2.3] Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị M. Nếu có tranh chấp thì bà Trần Thị M có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

[2.4] Hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” số 17/2019/QĐ-BPKCTT ngày 24/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Bà Nguyễn Thị H và bà Trần Thị M được nhận lại tài sản bảo đảm là số tiền 30.000.000 đồng đã gửi vào tài khoản phong tỏa số 63410000119845, chủ tài khoản

bà Nguyễn Thị H tại Ngân hàng R, địa chỉ: Đường Q, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 01/2019/QĐ-BPBD ngày 24/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (Trong 30.000.000 đồng gửi vào tài khoản trên, gồm 15.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị H và 15.000.000 đồng của bà Trần Thị M).

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí dân sự sơ thẩm:

Hoàn trả cho bà Trần Thị M 625.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp trong số tiền 3.700.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: AA/2019/0005115 ngày 23/10/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Tiền tạm ứng án phí do bà Nguyễn Thị H đi nộp, trong đó 3.075.000 đồng là tiền của bà Nguyễn Thị H và 625.000 đồng là tiền của bà Trần Thị M).

Bà Nguyễn Thị H phải chịu 4.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào 3.075.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp (Trong số tiền 3.700.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số: AA/2019/0005115 ngày 23/10/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk). Bà Nguyễn Thị H còn phải nộp tiếp 1.425.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị H1 phải chịu 2.900.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[3.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0008073 ngày 05/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, Đắk Lắk.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Văn Công Dân